

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/DS-ST

Ngày: 29/5/2025.

V/v “Tranh chấp hợp đồng

mua bán hàng hóa”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

+ Ông Nguyễn Văn Ba.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần Thủy sản Công nghệ cao G.

Địa chỉ: Lô F, khu công nghiệp A – S, xã A, huyện L, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc T, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị M, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Tổ W, khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Phạm Quang H, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Khu 2, xã Hải H, Thành phố M, tỉnh Q.

(Bà M, ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2024 và các lời khai tiếp theo tại tòa, nguyên đơn Công ty cổ phần Thủy sản Công nghệ cao G có người đại diện theo ủy quyền bà Trịnh Thị M trình bày: Ngày 20/7/2024 Công ty cổ phần Thủy sản Công nghệ cao G và ông Phạm Quang H ký Hợp đồng phân phối thức ăn nuôi tôm số: số 31/GES,TL,SE,SCF/QNI 2024. Theo đó, ông H trở thành Nhà phân phối cấp I của Công ty để phân phối sản phẩm thức ăn nuôi tôm mang thương hiệu G. Hai bên đã đặt hàng và giao nhận hàng theo đúng quy định tại Điều IV của Hợp đồng. Theo đó, Bên B sẽ phải thanh toán cho Bên A theo Điều 5 của Hợp đồng, cụ thể:

5.1 Bên B thanh toán 100% giá trị từng Đơn đặt hàng cho Bên A trước khi nhận hàng, hoặc sau khi nhận hàng tùy từng thời điểm và theo quyền quyết định duy nhất của Bên A.

5.5 Chậm nhất vào ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực được quy định tại Điều VII của Hợp đồng này, Bên B phải thanh toán toàn bộ số dư nợ cho Bên A.

5.6 Trường hợp Bên B ngưng lấy hàng trước ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực được quy định tại Điều VII của Hợp đồng thì Bên B phải thanh toán toàn bộ số tiền Bên B còn nợ cho Bên A trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bên B nhận lô hàng cuối cùng.

Trong quá trình hợp tác, hai bên đã ký kết Phụ lục hợp đồng số: 01/2024 ngày 20/7/2024 quy định về việc phạt quá hạn thanh toán: “Trong trường hợp Bên B có nợ quá hạn, thì Bên B bị phạt hoặc theo quyền quyết định của Bên A theo từng thời điểm, cụ thể: Thời hạn thanh toán (Kể từ ngày xuất hóa đơn) từ 81 ngày trở lên thì mức lãi phạt quá hạn thanh toán 0,035%/ngày. Phụ lục hợp đồng số: 02/2024 ngày 01/08/2024 quy định về chiết khấu thương mại.

Ngày 01/12/2024 đến ngày 31/12/2024, các bên đã ký bảng đối chiếu công nợ, ông Phạm Quang H còn nợ Công ty G số tiền 180.730.190 (Một trăm tám mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn một trăm chín mươi) đồng. Đến ngày 29/4/2025, ông H đã thanh toán cho Công ty G số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng. Số tiền ông H còn nợ là 150.730.190 (Một trăm năm mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn một trăm chín mươi) đồng.

Về nợ lãi:

1. Số hóa đơn 00020116, xuất hóa đơn ngày 06/9/2024, số tiền 99.600.000 đồng, ông H đã thanh toán cho Công ty G số tiền 97.845.810 đồng, còn nợ số tiền 1.754.190 đồng. Thời điểm tính lãi từ ngày 25/11/2024 đến 29/5/2025 là 185 ngày, lãi suất 0,035%/ngày: $1.754.190 \text{ đồng} \times 0,035\%/\text{ngày} \times 185 \text{ ngày} = 113.584 \text{ đồng}$.

2. Số hóa đơn 00020446, xuất hóa đơn ngày 11/9/2024, số tiền 99.600.000 đồng, ông H đã thanh toán cho Công ty G 30.000.000 đồng, còn nợ số tiền 69.600.000 đồng. Thời điểm tính lãi từ ngày 30/11/2024 đến 29/5/2025 là 180 ngày, lãi suất 0,035%/ngày: $69.600.000 \text{ đồng} \times 0,035\%/\text{ngày} \times 180 \text{ ngày} = 4.384.800 \text{ đồng}$.

3. Số hóa đơn 00020449, xuất hóa đơn ngày 11/9/2024, số tiền 41.528.000 đồng, ông H còn nợ Công ty G số tiền 41.528.000 đồng. Thời điểm tính lãi từ ngày 30/11/2024 đến 29/5/2025 là 180 ngày, lãi suất 0,035%/ngày: $41.528.000 \text{ đồng} \times 0,035\%/\text{ngày} \times 180 \text{ ngày} = 2.616.264 \text{ đồng}$.

4. Số hóa đơn 00022673, xuất hóa đơn ngày 05/10/2024, số tiền 16.600.000 đồng, ông H còn nợ Công ty G số tiền 16.600.000 đồng. Thời điểm tính lãi từ ngày 24/12/2024 đến 29/5/2025 là 156 ngày, lãi suất 0,035%/ngày: $16.600.000 \text{ đồng} \times 0,035\%/\text{ngày} \times 156 \text{ ngày} = 906.360 \text{ đồng}$.

5. Số hóa đơn 00023336, xuất hóa đơn ngày 15/10/2024, số tiền 21.248.000 đồng, ông H còn nợ Công ty G số tiền 21.248.000 đồng. Thời điểm tính lãi từ ngày 03/01/2025 đến 29/5/2025 là 146 ngày, lãi suất 0,035%/ngày: $21.248.000 \text{ đồng} \times 0,035\%/\text{ngày} \times 146 \text{ ngày} = 1.085.773 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: 9.106.781 (Chín triệu một trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm tám mươi một) đồng.

Nay, Công ty cổ phần Thủy sản Công nghệ cao G yêu cầu ông Phạm Quang H phải thanh toán cho Công ty cổ phần Thủy sản Công nghệ cao G số tiền nợ là 150.730.190 (Một trăm năm mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn một trăm chín mươi) đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 29/5/2025 là 9.106.781 (Chín triệu một trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm tám mươi một) đồng.

+ Bị đơn ông Phạm Quang H không đến Tòa án cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Ngày 20/07/2024 Công ty G và ông Hoà đã ký kết Hợp đồng phân phối thức ăn nuôi tôm số 31/GES,TL,SE,SCF/QNI 2024. Theo đó, ông Phạm Quang Hoà trở thành Nhà phân phối cấp I của Công ty. Hai bên đã đặt hàng và giao nhận hàng hoá theo đúng quy định tại Điều IV của Hợp đồng.

Xét thấy, giữa công ty và ông Hoà ký Bảng đối chiếu công nợ từ ngày 01/12/2024 đến ngày 31/12/2024, ông Hoà còn nợ Công ty G số tiền là 180.730.190 đồng (Một trăm tám mươi triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, một trăm chín mươi) đồng, bị đơn ông H cũng không có ý kiến gì và đồng ý ký tên vào bảng đối chiếu công nợ này. Ngày 29/4/2025 ông H thanh toán cho công ty thêm 30.000.000 đồng. Tổng ông H còn nợ là 150.730.190 đồng.

Căn cứ vào Phụ lục hợp đồng số 01/2024 ngày 20/07/2024 nêu trên, Công ty G yêu cầu ông H trả số tiền tạm tính đến ngày 29/5/2025 là 150.730.190 đồng

và tiền lãi là 9.106.781 đồng. Xét thấy ông H đã vi phạm thời hạn thanh toán nên yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu lãi suất:

Căn cứ khoản 5.7 Điều V của hợp đồng: Nếu Bên B không thanh toán đúng thời hạn theo quy định của Hợp đồng thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán. Phía nguyên đơn yêu cầu lãi suất 12,6%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ theo Điều 429, 430, 431, 432, 433, 434 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông H thanh toán cho công ty số tiền tạm tính đến ngày 29/5/2025 là 150.730.190 đồng và tiền lãi là 9.106.781 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trịnh Thị M, bị đơn ông Phạm Quang H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng: Công ty cổ phần Thủy sản Công nghệ cao G khởi kiện yêu cầu ông Phạm Quang H phải thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng phân phối thức ăn nuôi tôm, quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”. Xác định Công ty cổ phần Thủy sản Công nghệ cao G là nguyên đơn, ông Phạm Quang H là bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng các bên ký kết tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai là nơi thực hiện hợp đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bị đơn ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để đến Tòa làm việc và cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nhưng, ông H không đến Tòa cung cấp tài liệu, chứng cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết vụ án.

[4.1] Công ty cổ phần Thủy sản Công nghệ cao G yêu cầu ông H thanh toán nợ 150.730.190 (Một trăm năm mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn một trăm chín mươi) đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, lời khai của nguyên đơn đã có đủ cơ sở xác định: Ông Phạm Quang H có ký kết Hợp đồng số: 31/GES,TL,SE,SCF/QNI 2024 ngày 20/7/2024 với Công ty cổ phần Thủy sản Công nghệ cao G; Phụ lục hợp đồng số 01/2024 ngày 20/7/2024; Phụ lục hợp đồng số 02/2024 ngày 01/8/2024. Ông Phạm Quang H tuân thủ các quy định tại Điều 116, 117 của Bộ luật dân sự khi giao kết hợp đồng nên là hợp đồng hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Tại khoản 5.6 Điều V của Hợp đồng số 31/GES,TL,SE,SCF/QNI 2024 ngày 20/7/2024 quy định: “Trường hợp Bên B ngưng lấy hàng trước ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực được quy định tại Điều VII của Hợp đồng thì Bên B phải thanh toán toàn bộ số tiền Bên B còn nợ cho Bên A trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bên B nhận lô hàng cuối cùng”.

Tại Bảng đối chiếu công nợ từ ngày 01/12/2024 đến ngày 31/12/2024, giữa Công ty G và ông H đã ký, số tiền ông H còn nợ công ty G là 180.730.190 (Một trăm tám mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn một trăm chín mươi) đồng. Đến ngày 29/4/2025, ông H thanh toán cho công ty G số tiền 30.000.000 đồng. Hiện ông H còn nợ Công ty G số tiền 150.730.190 đồng.

Như vậy, quá trình thực hiện hợp đồng ông Phạm Quang H đã vi phạm thỏa thuận về nghĩa vụ thanh toán. Công ty cổ phần Thủy sản Công nghệ cao G khởi kiện yêu cầu ông Phạm Quang H phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty G số tiền 150.730.190 (Một trăm năm mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn một trăm chín mươi) đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn:

Tại khoản 5.7 Điều V của hợp đồng: Nếu Bên B không thanh toán đúng thời hạn theo quy định của Hợp đồng thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ thanh toán.

Tại Phụ lục hợp đồng số 01/2024 ngày 20/07/2024, quy định về việc phạt quá hạn thanh toán như sau: “Trong trường hợp Bên B có nợ quá hạn, thì Bên B bị phạt hoặc theo quyền quyết định của Bên A theo từng thời điểm, cụ thể: Thời hạn thanh toán (Kể từ ngày xuất hóa đơn) từ 81 ngày trở lên thì mức lãi phạt quá hạn thanh toán 0,035%/ ngày.

Công ty cổ phần Thủy sản Công nghệ cao G yêu cầu tính lãi đối với ông Phạm Quang H mức lãi suất 12,6%/năm, tạm tính đến ngày 29/5/2025 số tiền lãi 9.106.781 (Chín triệu một trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm tám mươi một) đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát là phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Do, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Quang H phải chịu 7.992.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần Thủy sản Công nghệ cao G số tiền 3.710.558 đồng, theo biên lai số 0014745 ngày 04/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tổ tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 430, 431, 432, 433, 434 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Thủy sản Công nghệ cao G đối với ông Phạm Quang H.

Buộc ông Phạm Quang H phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần Thủy sản Công nghệ cao G tổng số tiền 159.836.971 (Một trăm năm mươi chín triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi một đồng). Trong đó, tiền nợ 150.730.190 (Một trăm năm mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn một trăm chín mươi) đồng, tiền lãi 9.106.781 (Chín triệu một trăm lẻ sáu nghìn bảy trăm tám mươi một) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

2. Về án phí:

Ông Phạm Quang H phải chịu 7.992.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần Thủy sản Công nghệ cao G số tiền 3.710.558 đồng, theo biên lai số 0014745 ngày 04/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS h. Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh